

Số: /GPMT-UBND

Phước Long, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung hồ sơ, Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà xưởng chế biến hạt điều” do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Công văn số 20/Cv ngày 20/02/2025;

Xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 20/TTr-TNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước, địa chỉ trụ sở chính: Tổ 1, khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà xưởng chế biến hạt điều”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 1, khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số 3800657569 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 09/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22/11/2021.

1.4. Mã số thuế: 3800657569.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, chế biến hạt điều xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước được thực hiện tại Tổ 1, khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Diện tích: 15.900m².

- Quy mô: Tổng mức đầu tư cơ sở: 50.000.000.000VNĐ. Dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất: Sản xuất, chế biến hạt điều nhân với công suất 6.363 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước:

1. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Văn phòng HĐND và UBND thị xã đăng công khai nội dung giấy phép môi trường này lên trang thông tin điện tử của UBND thị xã. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Phước Bình tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường;
- Trang Thông tin điện tử UBND thị xã;
- UBND phường Phước Bình;
- Công ty cổ phần XNK Hoàng Hà Bình Phước;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI****A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và nước thải sản xuất được đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý, không xả trực tiếp ra ngoài môi trường).

Phụ lục hợp đồng số 000179/2024/CGQ ký ngày 06/03/2024 về việc thu gom, vận chuyển và thu gom xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải từ khu vực hấp điều giữa Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước thải, nước mưa.

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ.

Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng và nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn (có 02 bể tự hoại 3 ngăn), cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

Nước thải sản xuất: Nước thải từ khu vực sấy - hấp được thu gom dẫn về bể nằm âm cuối khu vực sấy – hấp với thể tích bể gom là 5m³. Định kỳ 6 – 8 tháng, cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**1.2.1. Nước thải sinh hoạt:**

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế:

+ Tổng dung tích 02 bể tự hoại 03 ngăn: 8m³.

- Hóa chất sử dụng: không.

1.2.2. Nước thải sản xuất:

- Quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất từ khu vực sấy hấp → Bể gom → Hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế:

+ Tổng dung tích 01 bể gom: 5 m³.

+ Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Quản lý, giám sát hoạt động của các công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Các công trình thu gom, xử lý nước thải phải được tính toán đến hệ số an toàn khi thiết kế, xây dựng.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm d, khoản 1, điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải, lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải số 01 công suất 7.000 m³/giờ.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải số 02 công suất 7.000 m³/giờ.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải số 03 công suất 7.000 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 1: 01 dòng tương ứng với ống thải số 1 của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu (đốt củi) vận hành lò hơi công suất 0,5 tấn/giờ. Tọa độ: X = 1.304.598; Y = 579.256 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực: 106°15', múi chiều: 3°).
- Dòng khí thải số 1: 01 dòng tương ứng với ống thải số 2 của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu (đốt củi) vận hành lò hơi công suất 1 tấn/giờ. Tọa độ: X = 1.304.595; Y = 579.270 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực: 106°15', múi chiều: 3°).
- Dòng khí thải số 3: 01 dòng tương ứng với ống thải số 3 của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu (đốt củi) vận hành lò hơi công suất 2 tấn/giờ. Tọa độ: X = 1.304.335; Y = 579.193 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực: 106°15', múi chiều: 3°).

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước, địa chỉ Tổ 1, khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất: 21.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: gián đoạn (08 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp = 1,0; Kv = 0,8 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ,
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	6 tháng 1 lần

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ,
2	Áp suất	Pa	-	
3	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	-	
4	Bụi tổng	mg/Nm^3	160	
5	NO_x	mg/Nm^3	680	
6	CO	mg/Nm^3	800	
7	SO_2	mg/Nm^3	400	

Quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (thuộc mục 9, Phụ lục XXIX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: Chỉ phải thực hiện quan trắc định kỳ)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý:

- Bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 01 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 01 thông qua 01 quạt hút công suất $7.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$. Khí thải sau đó được thải ra môi trường thông qua 01 ống thải có đường kính D300mm, chiều cao 10m so với mặt đất.
- Bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 02 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 02 thông qua 01 quạt hút công suất $7.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$. Khí thải sau đó được thải ra môi trường thông qua 01 ống thải có đường kính D300mm, chiều cao 10m so với mặt đất.
- Bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 03 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 03 thông qua 01 quạt hút công suất $7.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$. Khí thải sau đó được thải ra môi trường thông qua 01 ống thải có đường kính D300mm, chiều cao 12m so với mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Quy trình công nghệ: Khí thải $\rightarrow$ Cyclone tách bụi $\rightarrow$ Bể hấp thụ (lọc bụi nước) $\rightarrow$ Quạt hút $\rightarrow$ Ống thải.
- Số lượng hệ thống xử lý: 03 hệ thống.
- Công suất thiết kế: $7.000 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{hệ thống}$.
- Số ống thoát khí thải: 03 ống thải.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng các hệ thống xử lý.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý.

- Trong quá trình vận hành, khi có sự cố phải dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, báo cáo cơ quan có chức năng và tìm nguyên nhân, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục xong sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường và điểm b, khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 03 Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 7.000 m³/giờ/hệ thống.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Tại ống thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01. Tọa độ vị trí xả thải: X (m) = 1.304.598; Y (m) = 579.256;

Tại ống thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 02. Tọa độ vị trí xả thải: X (m) = 1.304.595; Y (m) = 579.270;

Tại ống thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 03. Tọa độ vị trí xả thải: X (m) = 1.304.335; Y (m) = 579.193.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°15', múi chiều 3°)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: Ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy sàng điều;
- Nguồn số 2: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy chẻ;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy bắn màu;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy đóng gói tự động;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy đánh lụa;
- Nguồn số 06: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15' và múi chiếu: 3⁰):

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.304.475; Y = 579.207;
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.304.461; Y = 579.220;
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1.304.389; Y = 579.202;
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1.304.384; Y = 579.198;
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1.304.364; Y = 579.193;
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1.304.346; Y = 579.191.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn;

- Trang bị tai nghe chống ồn cho công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn;

- Bố trí cây xanh, bãi cỏ xung quanh nhà máy và dọc theo các tuyến đường nội bộ để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung. Đảm bảo diện tích cây xanh đạt ít nhất 20% tổng diện tích Công ty .

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
1	Hộp mực in có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	5	KS
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Rắn	20	TT
3	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	16 01 06	Rắn	2	NH
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	120	NH
5	Bao bì mềm thải dính hóa chất	18 01 01	Rắn	75	KS
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	30	KS
7	Bao bì cứng thải (thùng đựng hóa chất)	18 01 02	Rắn	25	KS
-	Tổng cộng	-	-	227	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

Stt	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Vỏ điều	5.269	Rắn	14 04 03	TT - R
	Tổng	5.269	-	-	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	3,37
Tổng		3,37

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ lượng CTNH phát sinh được thu gom, phân loại, lưu giữ vào các thùng chứa 120 lít loại chuyên dụng, có nắp đậy, chống thấm, có dán tên và dán nhãn CTNH.

- Kho lưu chứa: Diện tích 14m². Thiết kế, cấu tạo: tận dụng thùng container làm kho chứa, sàn kín khít, không bị thấm thấu, có mái che kín, được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định; bên trong bố trí các thùng chứa và có dán nhãn, ghi mã CTNH cho từng loại, đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom, lưu giữ vào thùng chứa dung tích 72m² làm bằng thép, cách mặt đất 4m, có mái che.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom vào các thùng chứa có dung tích 120 lít có nắp đậy.

- Khu vực tập kết: Trước cổng Công ty.

+ Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Hà Bình Phước phải ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy định. Chủ cơ sở phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để các loại chất thải gây ô nhiễm môi trường hoặc không chuyển giao, chuyển giao chất thải cho đơn vị không có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hỏa động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với lò hơi, các máy nén khí, chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Phước Long để kịp thời xử lý.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
3. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định.
4. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện của Công ty.
5. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đúng các quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật liên quan./.